

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16-6-2020

V/v “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Lê Thị Thùy Hương;**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Nguyễn Việt Thành;**

Ông Huỳnh Văn Nhân;

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Hồng Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* **Bà Tô Nguyễn Mộng Lành** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà L, sinh năm 1991; Trú tại khu vực B, phường L, quận T, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ tạm trú: khu vực A, phường L, quận T, thành phố Cần Thơ; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông K, sinh năm 1987; Trú tại khu vực B, phường L, quận T, thành phố Cần Thơ; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà L trình bày:

Bà và ông K tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, thành phố Cần Thơ vào ngày 30/7/2012. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn với gia đình bên chồng dẫn đến cự cãi nhau. Từ năm 2017 bà về gia đình mẹ ruột sinh sống và không còn chung sống với ông K cho đến nay. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, tình

cảm vợ chồng không còn. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông K.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên H(Nữ), sinh ngày 05/02/2013. Hiện con đang sống chung với ông K nên bà sẽ tiếp tục giao cho ông K trực tiếp nuôi con. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo biên bản lấy lời khai đối với bị đơn ông K ngày 28/02/2020, ông K trình bày:

Ông và bà L tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, thành phố Cần Thơ vào năm 2012. Trong thời gian chung sống, ông bà có một con chung là cháu H, sinh ngày 05/02/2013. Khoảng hơn 01 năm nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chủ yếu bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày của hai vợ chồng. Đến năm 2018 thì bà L bỏ về gia đình mẹ ruột của bà sinh sống cho đến nay. Ông cũng có liên hệ với bà L, về bên gia đình mẹ vợ nhưng ông bà ít nói chuyện với nhau. Đối với yêu cầu ly hôn của bà L, ông K không đồng ý do vẫn còn thương bà. Nếu bà L kiên quyết ly hôn với ông thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con do hiện nay cháu H đang sinh sống cùng ông, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình chung sống ông bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tuy nhiên, Tòa án tiến hành triệu tập bị đơn ông K nhiều lần nhưng ông K vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông K theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Về quan điểm giải quyết vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Chấp nhận giao con chưa thành niên cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Do bị đơn vắng mặt nên tách ra giải quyết thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với ông K nên đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn và nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn trú tại khu vực B, phường L, quận T, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng ông K cố tình vắng mặt. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đến nay, ông Khởi vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do nên căn cứ vào Khoản 2, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông K tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, thành phố Cần Thơ. Hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông K thì mâu thuẫn phát sinh từ việc bất đồng quan điểm về những vấn đề sinh hoạt trong gia đình, sự bất đồng giữa bà L và gia đình chồng dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau. Bà L và ông K đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông K nên không thể duy trì mối quan hệ vợ chồng với ông K được nữa.

Về phía ông Khởi, mặc dù có ý kiến không thống nhất ly hôn nhưng Tòa án triệu tập để giải quyết mà ông K cố tình vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn ông K không có thiện chí để đoàn tụ gia đình với bà L.

Từ những lý do trên cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông bà đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên việc bà L yêu cầu được ly hôn với ông K là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung:

Ông bà có một con chung là cháu H, sinh ngày 05/02/2013 và hiện tại đang sinh sống cùng với ông K. Xét thấy, ông K có yêu cầu trực tiếp nuôi cháu H và bà L cũng thống nhất giao con cho ông K nuôi dưỡng. Đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông K. Đồng thời dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà L, không ai được quyền ngăn cản.

Tại phiên tòa bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Mặc dù ông K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng nhận thấy vì lợi ích của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà L.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5; Điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông K về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà L ly hôn với ông K.

2. Về con chung: Giao con chung tên H(Nữ), sinh ngày 05/02/2013 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà L, không ai được quyền ngăn cản.

Bà L cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000(*Một triệu*) đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Bà L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu. Đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác để yêu cầu Tòa án giải quyết nếu có tranh chấp.

4.Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu 300.000(*Ba trăm nghìn*)đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000(*Ba trăm nghìn*)đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 600.000(*Sáu trăm nghìn*)đồng.

Số tiền nêu trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 300.000(*Ba trăm nghìn*)đồng theo biên lai thu số 004232 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn phải nộp thêm số tiền 300.000(*Ba trăm nghìn*) đồng tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
- Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
- UBND P. L(Nơi đk kết hôn
- GCNKH 121 ngày 30/7/2012);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thùy Hương